

Số: 1274/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 25 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 9/2018 ước tính tăng 4,73% so với tháng trước và tăng 10,53% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 17,14%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,97%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 26,1%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,03% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, một số doanh nghiệp công nghiệp chế biến sản xuất chậm chùng do thiếu nguyên liệu phục vụ sản xuất (Tinh bột sắn, dầu thông...) hoặc gần như đã chạy hết công suất thiết kế (Nhà máy gỗ MDF-VRG Quảng Trị, Công ty TNHH Tuấn Ngọc SURIMI sản xuất chả cá, Công ty TNHH cao su camel Việt Nam); Sản phẩm sản xuất ra khó khăn về thị trường tiêu thụ (Sản phẩm bia của Công ty Bia Hà Nội, sản phẩm tấm lợp của Công ty TNHH MTV Thương mại số 1, Công ty Cổ phần Hoàng Hương), một số nhà máy thủy điện chậm tiến độ so với kế hoạch đưa vào hoạt động...nên tốc độ tăng trưởng chậm lại; Chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ đạt mức tăng 8,89% so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn nhiều so với mức tăng của 9 tháng đầu năm 2017 là 15,31% -KH năm 2018 tăng 16%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ tăng 7,04%; công nghiệp khai khoáng tăng 13,54%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 16,41%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,24% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 9 tháng năm 2018 có mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước như: Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit tăng 55,82%; lốp xe các loại tăng 43,59%; điện sản xuất tăng 33,85%; quần áo tăng 25,27%; sắn xe các loại tăng 21,64%; dăm gỗ tăng 19,96%; nước máy tăng 12,71%. Một số sản phẩm vẫn duy trì ở mức ổn định như: Nước hoa quả, tăng lực tăng 9,36%; điện thương phẩm tăng 9,06%; gỗ cửa, gỗ xẻ tăng 5,71%; quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 4,11%; ván ép tăng 0,95%; xi măng

tăng 0,63%. Bên cạnh đó một số sản phẩm giảm như: Tinh bột sắn giảm 28,96%; tấm lợp pro ximăng giảm 24,37%; bia lon giảm 8,45%; dầu thông giảm 7,3%; gạch xây giảm 5,02%; đá xây dựng giảm 4,18%; phân hóa học giảm 2,34% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và chỉ số giá tiêu dùng

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9/2018 ước đạt 2.111,6 tỷ đồng, tăng 0,65% so với tháng trước và tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.768,52 tỷ đồng, tăng 0,68% so với tháng trước và tăng 6,64% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 253,99 tỷ đồng, tăng 0,53% so với tháng trước và tăng 8,49% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 3,0 tỷ đồng, giảm 1,43% so với tháng trước và tăng 7,78% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 86,09 tỷ đồng, tăng 0,45% so với tháng trước và tăng 7,18% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Chín tháng năm 2018, thị trường bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tỉnh nhà diễn ra khá sôi động. Trong điều kiện thời tiết thuận lợi, hàng hóa trên thị trường phong phú về chủng loại, đa dạng về mẫu mã, giá cả tương đối ổn định, môi trường biên đã phục hồi nên sản lượng hải sản hàng hóa tăng khá, hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm du lịch biển nhộn nhịp hơn... nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt mức tăng khá, ước đạt 19.947,39 tỷ đồng, tăng 9,05% so với cùng kỳ năm trước và đạt 73,9% so với kế hoạch năm 2018. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 16.933,26 tỷ đồng, tăng 9,04%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.207,35 tỷ đồng, tăng 9,12%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 27,04 tỷ đồng, tăng 9,82%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 779,73 tỷ đồng, tăng 8,96% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2018 tăng 0,46% so với tháng trước và tăng 1,76% so thời điểm 31/12/2017, tăng 2,29% so với tháng cùng kỳ năm trước.

3. Hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại

3.1. Hoạt động khuyến công

Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh cho 23 doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí 1.025 triệu đồng¹ (Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 16/5/2018). Đến nay, đã tổ chức nghiệm thu 11 đề án và đã thanh lý, giải ngân 06 đề án, các đề án còn lại đang đôn đốc thực hiện.

¹ Theo đó có hỗ trợ 04 đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới; 15 đề án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, máy móc thiết bị vào sản xuất sản phẩm; 02 đề án đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, đóng gói sản phẩm; 01 đề án hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia Hội chợ thương mại huyện Hải Lăng; 01 đề án xây dựng cửa hàng giới thiệu một số sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Đề xuất Bộ Công Thương phê duyệt hỗ trợ 03 đề án khuyến công quốc gia, với tổng kinh phí 950 triệu đồng²; Xây dựng các đề án khuyến công quốc gia năm 2019 để trình Cục Công Thương địa phương - Bộ Công Thương xem xét, hỗ trợ.

3.2. Hoạt động xúc tiến thương mại

Thực hiện Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh về Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị năm 2018; Theo đó, Sở Công Thương đã chỉ đạo tổ chức thực hiện 08 Đề án với kinh phí gần 1.039 tỷ đồng. Cụ thể:

- Triển khai Đề án Tổ chức điểm trưng bày và giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các điểm di tích, danh thắng, du lịch; Đề án “Thông tin tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng nông sản tại khu vực miền núi tỉnh Quảng Trị trên Truyền hình Công Thương Trung ương năm 2018”; Tổ chức gian hàng triển lãm các sản phẩm Công nghiệp – Thương mại tại Hội chợ Công Thương khu vực miền Trung – Tây Nguyên - Nhịp cầu Xuyên Á – Quảng Trị năm 2018; Hỗ trợ 19 doanh nghiệp tham gia 27 gian hàng Hội chợ Công Thương khu vực miền Trung – Tây Nguyên - Nhịp cầu Xuyên Á – Quảng Trị năm 2018; Hội chợ triển lãm Thương mại – Du lịch huyện Hướng Hóa 2018; Tổ chức Đoàn doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm hàng hóa “một huyện một sản phẩm” (ODOP) tại tỉnh Savannakhet, nước CHDCND Lào; Tổ chức Đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm và hội nghị kết nối cung cầu tại thành phố Đà Nẵng.

Thực hiện Đề án xúc tiến thương mại Quốc gia: Tổ chức thành công Hội chợ Công Thương khu vực miền Trung - Tây Nguyên – Nhịp cầu Xuyên Á – Quảng Trị 2018, với quy mô trên 500 gian hàng của 250-300 doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức xúc tiến thương mại tham gia. Tổ chức thành công 02 phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Hướng Hóa tại xã Hướng Phùng và xã Tân Long; Bình quân mỗi phiên chợ có 22 gian hàng của 11 doanh nghiệp, HTX tham gia; lượng khách tham quan mua sắm 3.000 lượt người/phiên chợ; doanh thu đạt 200 triệu đồng/phiên chợ.

II. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công thương

1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án

- Tham mưu triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01 của Chính phủ và Kết luận số 78-KL/TU của Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương; Kế hoạch thực hiện Cam kết trách nhiệm với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2018; các Chương trình hành động của Chính phủ, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

² Theo đó, tổ chức ký hợp đồng thực hiện đề án “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào chế biến cà phê”, với kinh phí 200 triệu đồng; Triển khai Đề án “ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất hàng may mặc”, với kinh phí 200 triệu đồng và Đề án “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất các sản phẩm cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm”, với kinh phí 550 triệu đồng

và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, hội nhập kinh tế; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng chính sách công nghiệp quốc gia đến năm 2030.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai các chủ trương, chính sách lớn liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước của ngành Công Thương như: Triển khai Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 93-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 31/10/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tiếp tục đẩy mạnh Hội nhập kinh tế quốc tế; Kế hoạch của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về phát triển Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thông qua và trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016-2025; Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2022; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của tỉnh; Hoàn chỉnh Dự thảo Đề án phát triển công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn đến năm 2025; Triển khai Đề án "Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020"; "Mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm"; Đề án "Phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030"; Đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về Quy chế phối hợp quản lý các cụm công nghiệp; Quy chế phối hợp quản lý vật liệu nổ công nghiệp; Quy định về phân cấp và trách nhiệm phối hợp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh; Triển khai xây dựng Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác xúc tiến đầu tư các dự án trọng điểm

- Tích cực hỗ trợ Công ty Điện lực quốc tế Thái Lan thực hiện các thủ tục (Hợp đồng BOT và Bảo lãnh Chính phủ; Hợp đồng thuê đất) dự án Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị 1; Tham mưu đề xuất UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị 2 và Quy hoạch nhà máy điện khí tại Khu kinh tế Đông Nam; vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020.

- Tập trung hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư các dự án lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư khảo sát và thực hiện thủ tục đầu tư Dự án điện gió Hướng Phùng 1, Hướng Phùng 2 và Hướng Hiệp 1; Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Dự án Hướng Linh 1; Bổ sung quy hoạch các Dự án điện gió Hướng Linh 3, 4, 5 và Hướng Hiệp 2, 3 vào Quy hoạch phát triển điện lực và Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời LIG-Quảng Trị và đề xuất Bộ Công Thương bổ sung 04 dự án điện mặt trời vào Quy hoạch phát triển điện

lực tỉnh; Hỗ trợ đầu tư xây dựng có 03 dự án xây dựng nhà máy Thủy điện Đakrông 4, La Tó, Khe Nghi. Bên cạnh đó, tham mưu xúc tiến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp

- Khảo sát nắm bắt, đánh giá thực trạng hoạt động các cụm công nghiệp, tham mưu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp- làng nghề; Nắm bắt tình hình sản xuất một số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn huyện.

- Hoàn thành công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp, nông thôn tiêu biểu lần thứ 4 năm 2018³; tổ chức Lễ Tôn vinh và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Trị. Đề xuất giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ; Hoàn thành công tác điều tra năng lực sản xuất một số sản phẩm công nghiệp năm 2018;

- Kiểm tra tiến độ thực hiện đề án khuyến công của tỉnh và quốc gia năm 2018; Hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

4. Công tác quản lý an toàn kỹ thuật và môi trường

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, quản lý vật liệu nổ công nghiệp, an toàn điện, an toàn vận hành hồ chứa thủy điện, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ; Tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra điều kiện kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng và vật liệu nổ công nghiệp. Hướng dẫn triển khai các quy định pháp luật và điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm nhỏ lẻ; Tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, an toàn trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, an toàn thực phẩm; Sát hạch và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- Tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Ký kết, triển khai hợp đồng xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tỉnh; Triển khai Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện; Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; Đánh giá tình hình triển khai thực hiện sản xuất, kinh doanh xăng sinh học E5 trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực năng lượng

- Chủ trì, phối hợp giải quyết vướng mắc các dự án điện trên địa bàn: Phương án tuyến ĐZ 110kV, 22kV thuộc dự án TBA 110kV Triệu Phong và đấu nối đi trong Khu kinh tế Đông Nam; Thỏa thuận hướng tuyến công trình Cây TBA và hoàn thiện lưới điện hạ áp khu vực Đông Hà - Cam Lộ - Đakrông; Hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối từ TBA 22/110kV nhà máy điện trời LIG -Quảng Trị đến Trạm biến áp 110kV Quán Ngang; Chủ trì, phối hợp xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp đường dây 110kV Đông Hà -

³ Đã được UBND tỉnh công nhận 40 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, trong đó, có 01 sản phẩm đạt giải nhất, 03 sản phẩm đạt giải nhì, 04 sản phẩm đạt giải ba và 32 sản phẩm đạt giải khuyến khích

Lao Bảo; Thỏa thuận tuyến đường dây 110kV đầu nối sau Trạm biến áp 220kV Lao Bảo; Kiểm tra công tác phòng chống lụt bão và an toàn hồ, đập các công trình thủy điện trên địa bàn.

- Đề xuất đăng ký cơ cấu vốn đầu tư kế hoạch năm 2018 cho Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh; Hoàn thiện hồ sơ bàn giao lưới điện từ Dự án Cấp điện nông thôn; Trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, phân kỳ đầu tư Dự án. Tiếp tục thực hiện gói thầu thuộc dự án cấp điện nông thôn tại các xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng; A Ngo, A Vao và Tà Rụt, huyện Đakrông thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 - 2020. Tính đến nay, Dự án đã triển khai trên địa bàn 9 xã thuộc 4 huyện Hướng Hóa, Đakrông, Vinh Linh và Triệu Phong, trong đó, đã có 8 xã đã hoàn thành công tác xây lắp, nghiệm thu đóng điện phục vụ nhân dân.

- Hướng dẫn thực hiện phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập và Phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh. Tham gia Đoàn UBND tỉnh kiểm tra công tác phòng chống lụt bão và đảm bảo an toàn hồ đập các công trình thủy điện trước mùa mưa lũ.

6. Công tác quản lý nhà nước về thương mại

- Tham mưu UBND tỉnh bổ sung điều chỉnh quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Triển khai kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020; Thực hiện Đề án mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm; Hoàn chỉnh Kế hoạch tổ chức kết nối các sản phẩm nông nghiệp vào hệ thống siêu thị; Đôn đốc các huyện tăng cường quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

- Tổ chức Đoàn kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương; Tăng cường kiểm tra công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2018; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm được phân cấp cho cấp huyện. Tổ chức thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng tại địa phương; Chấn chỉnh hoạt động kinh doanh gaz; Đề xuất hướng dẫn thực hiện Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh khí. Tham mưu hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. Triển khai Kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018.

7. Hoạt động thương mại điện tử, biên giới, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế

- Tham mưu đề xuất UBND tỉnh trình Bộ Chính trị, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào thực hiện một số cơ chế, chính sách vượt trội tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt và Khu Thương mại biên giới Densavan. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về

quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định 14/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển thương mại biên giới. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Đoàn đại biểu tham gia Hội nghị Hợp tác phát triển Thương mại biên giới Việt Nam - Lào lần thứ XI; Chuẩn bị nội dung Đoàn công tác Chủ tịch UBND tỉnh làm việc với tỉnh Savannakhet (Lào).

- Triển khai thực hiện các đề án thuộc chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh, quốc gia năm 2018⁴; Tổ chức vận hành, khai thác Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh; Tổ chức các lớp tập huấn thương mại điện tử cho thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn thành phố Đông Hà và huyện Hải Lăng; Tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý bán hàng cho doanh nghiệp năm 2018. Phối hợp doanh nghiệp cung cấp thông tin tại Cổng thông tin điện tử: Xnkquangtri.ekip.info.

- Tổ chức và báo cáo kết quả Hội nghị kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy hải sản trên địa bàn; Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức các Hội chợ thương mại hàng tiêu dùng trên địa bàn các huyện; Triển khai thi hành Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về một số hoạt động xúc tiến thương mại; Giám sát việc tổ chức hội chợ và thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi trên địa bàn tỉnh.

7. Hoạt động quản lý thị trường

- Tích cực tham mưu BCĐ 389/ĐP triển khai các biện pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo hàng hóa, bình ổn thị trường trước dịp lễ tết; Chủ động triển khai bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Các hoạt động hưởng ứng “Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam”; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường trong mùa du lịch, lễ hội trên địa bàn tỉnh; Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phối hợp chống buôn lậu trên địa bàn biên giới tỉnh.

- Công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn trong 9 tháng đầu năm 2018 được tích cực triển khai thực hiện; Triển khai thực hiện Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng; kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng; Tham mưu công tác xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu trong thị trường nội địa.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Công tác thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng năm 2018 của Sở được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch; Báo cáo UBND tỉnh rà soát kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp; Tham mưu trả lời ý kiến cử tri sau

⁴ Triển khai việc hỗ trợ xây dựng 10 website cho các doanh nghiệp thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh và hỗ trợ xây dựng 05 website cho các doanh nghiệp thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia.

kỳ họp thứ 4 và trước kỳ họp thứ 5, QH Khóa XIV. Báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa VII.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai Luật Tiếp cận thông tin; Thực hiện báo cáo giải quyết các phản ánh, kiến nghị của công dân trên lĩnh vực thương mại. Báo cáo kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng. Thực hiện kiểm tra và xác minh đơn kiến nghị của công dân tại xã Gio Linh.

9. Công tác tổ chức, hành chính

Trong 9 tháng đầu năm 2018, Sở đã thực hiện tốt công tác xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế; công tác, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt bổ nhiệm, chuyển ngạch, nâng ngạch và giải quyết chế độ chính sách tiền lương, hưu trí, thôi việc, nghỉ phép đối với cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể:

- Tích cực đôn đốc triển khai thực hiện các nội dung Kết luận của Thanh tra Bộ Nội vụ về công tác quản lý, sử dụng, tuyển dụng và bổ nhiệm công chức; Tự kiểm tra, rà soát về thực hiện công tác cán bộ giai đoạn 2012-2018. Hoàn thành công tác bình xét danh hiệu thi đua đối với các tập thể, cá nhân thuộc Sở năm 2017; Đồng thời tiến hành rà soát lại việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức theo yêu cầu của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Trên cơ sở Kế hoạch số 84-KH/TU, Kế hoạch số 86-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; Theo đó, Sở Thương đã xây dựng Kế hoạch số 804/KH-SCT ngày 22/6/2018 về việc Sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc, đơn vị trực thuộc Sở và bố trí nhân sự lãnh đạo các phòng thuộc Sở.

- Thực hiện Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương; Chuẩn bị các nội dung liên quan và làm việc với Tổ rà soát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các nhiệm vụ Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; ứng dụng công nghệ thông tin được áp dụng, cải tiến và chuyển đổi; triển khai ứng dụng chữ ký số vào công tác quản lý, điều hành của Sở. Tổ chức làm việc tình nguyện sáng Thứ bảy để giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

III. Mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp thực hiện quý IV năm 2018:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Bộ Công Thương giao tại Kết luận số 78-KL/TU ngày 05/12/2017; Chương

trình hành động của UBND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018; và Cam kết trách nhiệm của Tập thể Lãnh đạo và người đứng đầu Sở Công Thương với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2018.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các quy hoạch đã được phê duyệt, gồm: Quy hoạch phát triển công nghiệp đến năm 2020; Quy hoạch phát triển thương mại đến năm 2020; Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn đến năm 2025 (trong đó, có Quy hoạch phát triển điện mặt trời) sau khi được phê duyệt. Tham mưu Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về chính sách phát triển công nghiệp đến năm 2030; chính sách xúc tiến thương mại theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch Thực hiện Bản cam kết với Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2017-2020, về chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh; Chương trình Khuyến công, xúc tiến thương mại; Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; Đề án phát triển hạ tầng thương mại; Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh; Đề án thực hiện mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; Đề án phát triển ngành cơ khí.

- Đôn đốc thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi; Tình hình thực hiện nhiệm vụ Chương trình công tác trọng tâm, Chương trình hành động và các Thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Hoàn thành và triển khai Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn đến 2025. Đề án tổ chức hoạt động kết nối các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh vào các siêu thị, chuỗi bán lẻ;

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển sản xuất để tăng chỉ số phát triển công nghiệp; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của ngành đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là hỗ trợ Công ty Điện lực quốc tế Thái Lan sớm hoàn tất thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 theo đúng tiến độ. Tham mưu thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận tỉnh đã ký kết với các nhà đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn: Dự án Nhà máy điện khí của Tập đoàn GazProm (Nga); Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 2; các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

- Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW về định hướng chính sách công nghiệp quốc gia đến năm 2030; Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp; Thực hiện Đề án “Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025”; Rà soát, tham mưu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ đầu tư phát triển cụm công nghiệp; Triển khai Chương trình phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh về đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ phát

triển sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2018 – 2023; Hoàn thành các đề án khuyến công tỉnh và quốc gia năm 2018.

- Đề xuất thực thi phương án đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, tiếp cận điện năng. Tích cực triển khai dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020.

- Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tích cực tham mưu công tác đảm bảo cung cầu, bình ổn thị trường, nhất là trong các dịp lễ tết; Triển khai có hiệu quả các hoạt động hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Hoàn thành các Đề án xúc tiến thương mại, Đề án phát triển thương mại điện tử của tỉnh và quốc gia năm 2018; Tham mưu UBND tỉnh công tác thẩm định danh sách cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đủ điều kiện thực hiện hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa qua biên giới. Duy trì công thông tin xuất nhập khẩu; Tiếp tục hỗ trợ Viện Mekong triển khai dự án giai đoạn 2 trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính; Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức bộ máy của cơ quan Sở thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-UBND của UBND tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tạo thuận lợi tối đa khi giao dịch hành chính.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với dự án nhà máy nhiệt điện tham Quảng Trị I: Kính đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo sớm hoàn thành việc đàm phán và ký kết hợp đồng BOT về thuê đất, thực hiện bàn giao mặt bằng sạch để triển khai dự án theo đúng cam kết với nhà đầu tư; Đồng thời, chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế hướng dẫn nhà đầu tư về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Đối với dự án nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị II và Dự án nhiệt điện khí: Hiện nay, Hồ sơ đề xuất bổ sung dự án vào quy hoạch Điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VII điều chỉnh) đang được nhà đầu tư gửi Bộ Công Thương thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 210/TB-VPCP ngày 08/6/2018, kính đề nghị Lãnh đạo tỉnh đăng ký làm việc với lãnh đạo Bộ Công Thương để đốc thúc việc xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung quy hoạch.

3. Trong những năm qua, công tác đầu tư xây dựng chợ nông thôn cơ bản được quan tâm thực hiện, tuy nhiên so với thực tế chưa đáp ứng yêu cầu, cụ thể: Năm 2016, nguồn vốn bố trí xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh là 2,65 tỷ đồng; Năm 2017, nguồn vốn bố trí xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh là 7,71 tỷ đồng cho đầu tư xây dựng chợ; Năm 2018, nguồn vốn bố trí xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh là 4,699 tỷ đồng cho đầu tư xây dựng chợ. Vốn đầu tư trung và dài hạn phục vụ

phát triển chợ năm 2018 chỉ đạt khoảng 10,6% so với nhu cầu. Do đó, đề nghị Lãnh đạo tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm bố trí vốn đầu tư xây dựng các chợ liên vùng, liên xã; các chợ đầu mối về nông sản, thủy sản để tạo thuận lợi trong mua bán, trao đổi hàng hóa, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại của tỉnh, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2018 và một số nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2018; Sở Công Thương Quảng Trị kính báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- Cục Điện lực & Năng lượng Tái tạo; Cục Hóa chất;
- Vụ Công nghiệp nặng; Vụ Thị trường trong nước;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, Khu vực miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH &ĐT;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: UBND tỉnh Quảng Trị;



- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 9 và 9 tháng năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	828	792	5520	204	3543	95,58%	388,46%	155,82%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	474	547	4297	434	4127	115,48%	125,97%	104,11%
3	Đá xây dựng	M3	64326	68956	573745	63267	598764	107,20%	108,99%	95,82%
4	Tinh bột sắn	Tấn	2778	4643	50883	7299	71623	167,13%	63,61%	71,04%
5	Bia lon	1000 lít	1854	2100	15078	2348	16469	113,27%	89,44%	91,55%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1206	1220	10172	1122	9301	101,16%	108,70%	109,36%
7	Quần áo may sẵn	1000 cái	754,00	757	5944	705	4745	100,40%	107,38%	125,27%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6975	6980	66116	8192	62545	100,07%	85,20%	105,71%
9	Dăm gỗ	Tấn	30933	32511	222523	18999	185498	105,10%	171,12%	119,96%
10	Ván ép	M3	17091	18000	159633	16320	158129	105,32%	110,29%	100,95%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	105	100	952	92	1027	95,24%	108,70%	92,70%
12	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	554	600	4921	447	4922	108,30%	134,23%	99,98%
13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	2756	3000	37646	3124	38548	108,85%	96,03%	97,66%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	286	296	2166	220	1509	103,50%	134,85%	143,59%
15	Săm xe các loại	1000 cái	508	515	4358	525	3583	101,38%	98,15%	121,64%
16	Xi măng	Tấn	24100	26486	229709	24774	228271	109,90%	106,91%	100,63%
17	Gạch xây	1000 viên	13517	13678	113641	12775	119652	101,19%	107,07%	94,98%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	310	294	2941	306	3889	94,71%	96,03%	75,63%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	55	67	468	53	350	121,55%	125,74%	133,85%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	54	54	447	42	410	100,20%	129,34%	109,06%
21	Nước máy	1000 m3	1423	1520	10537	1423	9349	106,82%	106,82%	112,71%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2097,95	2111,60	19947,39	1975,62	18292,51	100,65%	106,88%	109,05%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1756,55	1768,52	16933,26	1658,40	15529,27	100,68%	106,64%	109,04%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	147,11	147,25	1639,69	141,21	1536,30	100,10%	104,28%	106,73%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,00	0,00	0,00	-	-	-	-	-
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1045,48	1052,15	9955,79	982,31	9088,73	100,64%	107,11%	109,54%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	563,96	569,11	5337,78	534,88	4904,24	100,91%	106,40%	108,84%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		341,40	343,08	3014,13	317,22	2763,24	100,49%	108,15%	109,08%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	255,69	256,99	2234,40	236,90	2047,44	100,51%	108,48%	109,13%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		252,65	253,99	2207,35	234,11	2022,81	100,53%	108,49%	109,12%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	3,04	3,00	27,04	2,78	24,62	98,57%	107,78%	109,82%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	85,71	86,09	779,73	80,32	715,81	100,45%	107,18%	108,93%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 9 và 9 tháng năm 2018

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 8/2018		Dự ước tháng 9/2018			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 9/2018 so với tháng 9/2017
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	135,38	108,36	141,79	104,73	110,53	108,89
1. Công nghiệp khai khoáng	93,56	103,09	96,36	102,99	117,41	113,54
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	139,40	107,45	145,15	104,13	106,97	107,04
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	150,19	115,82	161,65	107,63	126,01	116,41
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106,91	103,82	115,21	107,76	106,03	108,24